

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MINH KHAI

Trụ sở chính: 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,

Thành phố Hà Nội

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

HÀ NỘI, THÁNG 07 NĂM 2015

MỤC LỤC

Điều 1.	Định nghĩa	3
Điều 2.	Thông tin cơ bản về Công ty	3
Điều 3.	Ngành nghề kinh doanh.....	3
Điều 4.	Vốn điều lệ, tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần	5
Điều 5.	Cổ đông Công ty.....	6
Điều 6.	Quyền và nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	6
Điều 7.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	8
Điều 8.	Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 9.	Hội đồng quản trị.....	12
Điều 10.	Ban kiểm soát	14
Điều 11.	Tổng Giám đốc.....	16
Điều 12.	Người đại diện theo pháp luật	17
Điều 13.	Thê thức thông qua quyết định của Công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	17
Điều 14.	Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho Người quản lý và thành viên Ban kiểm soát	19
Điều 15.	Mua lại cổ phần	19
Điều 16.	Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh	21
Điều 17.	Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản Công ty	22
Điều 18.	Thê thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	22
Điều 19.	Ngày hiệu lực	23

Điều lệ sửa đổi này được Công ty và cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 10 tháng 07 năm 2015.

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- b) "**Cán bộ quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty do Tổng Giám đốc bổ nhiệm tùy từng thời điểm.
- c) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- d) "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- e) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- f) "**Vốn điều lệ**" tổng giá trị mệnh giá cổ phần của Công ty đã bán hoặc đã được các cổ đông đăng ký mua.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Thông tin cơ bản về Công ty

2.1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai

Tên tiếng Anh: Minh Khai Textile Joint Stock Company

Tên viết tắt: Mikhatex.Jsc

2.2. Địa chỉ trụ sở chính: 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty thực hiện các ngành nghề kinh doanh như dưới đây và các ngành nghề khác không bị cấm thực hiện theo quy định pháp luật do Công ty đăng ký tùy từng thời điểm.

STT	Tên ngành	Mã ngành
------------	------------------	-----------------

	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810 (Chính)
1.	Sản xuất sợi	1311
2.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự; + Các loại vải bằng đan móc khác. - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	1321
5.	Sản xuất, gia công hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
6.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1323
7.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng v.v; - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn.	1329

8.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất giày dép	1520
11.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
12.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
13.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	4669
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng gia và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4771
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.	4659
17.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
18.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9620

Điều 4. Vốn điều lệ, tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần

4.1. Vốn điều lệ: Tổng số vốn điều lệ của Công ty tại ngày thông qua Điều lệ này là: 32.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng).

4.2. Tổng số Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty là: 3.200.000 cổ phần.

- 4.3. Loại cổ phần: Toàn bộ cổ phần của Công ty tại ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.
- 4.4. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 5. Cổ đông Công ty

- 5.1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- 5.2. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông Công ty

- 6.1. Quyền của Cổ đông phổ thông
- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, Sổ đăng ký cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
- 6.2. Ngoài các quyền nêu tại Điều 6.1, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 6.3 dưới đây;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ

đồng là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

6.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 6.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị hoặc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà chưa được bầu thay thế;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Công ty. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

6.4. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- a) Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
- b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

6.5. Đại diện theo ủy quyền của cổ đông

- a) Cổ đông là tổ chức phải chỉ định một hoặc một số cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự làm Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi Người đại diện.

- b) Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
- c) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền.
- d) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua Người đại diện theo ủy quyền.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 7.1. Đại hội đồng cổ đông;
- 7.2. Hội đồng quản trị;
- 7.3. Tổng Giám đốc;
- 7.4. Ban kiểm soát.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông

- 8.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 8.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Quyết định việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - d) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - e) Quyết định giá bán chứng khoán của Công ty;
 - f) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
 - g) Quyết định góp vốn thành lập, góp vốn bổ sung, rút vốn của Công ty tại các công ty khác; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn của Công ty trong các công ty khác;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- i) Quyết định phương án đầu tư hoặc dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- j) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (trừ trường hợp thông tin của các cổ đông như địa chỉ, người đại diện quản lý cổ phần v.v. thì các cổ đông chỉ cần gửi thông báo tới Công ty và không phải sửa đổi Điều lệ này);
- k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- l) Quyết định mua lại, giá mua lại cổ phần trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- m) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- n) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

8.3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng không bắt buộc họp tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông có thể họp theo phương thức gặp mặt trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện như videoconference, teleconference hoặc các phương thức họp pháp khác. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- b) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc thời hạn gia hạn theo đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty và được cơ quan đăng ký doanh nghiệp chấp thuận nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- c) Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hằng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Điều lệ quy định;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 6.2 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.
 - Ban kiểm soát có yêu cầu triệu tập bằng văn bản;
 - Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.
- e) Thời hạn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Điều lệ quy định hoặc nhận được yêu cầu bằng văn bản như quy định tại Điểm d) Điều này.
 - Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định thì trong thời hạn mười ngày làm việc tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định thì trong thời hạn mười ngày làm việc tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 6.2 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- f) Ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Cổ đông có quyền ủy quyền cho người khác có đầy đủ năng lực hành vi dân sự (không phải là Người đại diện theo ủy quyền như nêu tại Điều 6.5) dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Việc ủy quyền này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

- Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- Trường hợp luật sư thay mặt cho cổ đông ký văn bản uỷ quyền, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu văn bản đó được xuất trình cùng với bản gốc thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp vẫn có hiệu lực trong các trường hợp dưới đây nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện đó trước ít nhất bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước giờ cuộc họp được triệu tập lại:

- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản gốc văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

g) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

Kiến nghị của cổ đông nêu tại Điều 6.2 về các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

h) Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
- Thông báo được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; có thể được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, theo quyết định của Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

i) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng mười ngày làm việc kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần

thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng mười ngày làm việc kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Hội đồng quản trị

- 9.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 9.2. Số lượng và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 (năm) người, gồm 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) Thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 9.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - e) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - f) Quyết định mua lại, giá mua lại cổ phần không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
 - g) Quyết định phương án đầu tư hoặc dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 05% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

- l) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thuê, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương, thù lao, phụ cấp và các lợi ích vật chất khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- p) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- q) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan, trừ các quyền và nghĩa vụ đã được xác định rõ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo Điều lệ này.

9.4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Theo dõi, quản lý toàn bộ cổ phần của Công ty;
- c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- f) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

9.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Bị tạm giam trong thời hạn từ 01 tháng trở lên.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

9.6. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý hoặc bất thường. Địa điểm họp Hội đồng quản trị không bắt buộc tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Hội đồng quản trị được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng quản trị có thể họp theo phương thức gặp mặt trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện như videoconference, teleconference hoặc các phương thức họp pháp khác. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng quản trị sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do thành viên chi tiêu khi tham dự họp Hội đồng quản trị, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- c) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- d) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại đồng ý.

Điều 10. Ban kiểm soát

- 10.1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 10.2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có ba (03) thành viên.
- 10.3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát:
- a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

- d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 6.2 Điều lệ này;
- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 6.2 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
- f) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Luật Doanh Nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

10.4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát.

10.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Không tham gia các hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Bị tạm giam trong thời hạn từ 01 tháng trở lên.
- b) Thành viên Ban kiểm soát có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;
 - Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Tổng Giám đốc

11.1. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê.

11.2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

11.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trừ trường hợp cần Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, thông qua;
- b) Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị tối đa bằng 05% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hạn mức giá trị cụ thể quy định tại Quy chế tài chính của Công ty ban hành tùy từng thời kỳ;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thù lao, phụ cấp và các lợi ích vật chất khác đối với Người lao động trong Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- f) Đề xuất cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- i) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, theo hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và theo quy định pháp luật có liên quan, trừ các quyền và nghĩa vụ đã được xác định rõ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty theo Điều lệ này.

Điều 12. Người đại diện theo pháp luật

- 12.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 12.2. Công ty có ít nhất một Người đại diện theo pháp luật. Việc thay đổi số lượng Người đại diện theo pháp luật Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 13. Thể thức thông qua quyết định của Công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

- 13.1. Thể thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Hình thức thông qua

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- b) Điều kiện thông qua

- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu

được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, không phụ thuộc vào tỷ lệ thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- c) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng quy trình hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

13.2. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

- a) Quyết định của Hội đồng quản trị có thể được thông qua theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá nửa) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13.3. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

- a) Quyết định của Ban kiểm soát có thể được thông qua theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- b) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được tất cả thành viên Ban kiểm soát tán thành.

13.4. Cơ chế giải quyết tranh chấp nội bộ

- a) Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại nội bộ Công ty, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu luật sư hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- b) Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên

chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài tại Việt Nam hoặc cơ quan Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết.

- c) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.

Điều 14. Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho Người quản lý và thành viên Ban kiểm soát

14.1. Công ty căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh để chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, trả lương cho Tổng giám đốc và Người quản lý khác.

14.2. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

14.3. Thù lao cho thành viên Ban kiểm soát

- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

14.4. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

14.5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thù lao và chi phí hoạt động của thành viên Ban kiểm soát, tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 15. Mua lại cổ phần

15.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- a) Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ

của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a) Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại và giá mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- b) Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c) Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

15.3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

- b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 16. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

- 16.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả cho các cổ đông nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 16.2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty.
- 16.3. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 16.4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. Công ty không phải chịu trách nhiệm về việc cổ đông không nhận được cổ tức trong trường hợp Công ty đã thanh toán theo đúng địa chỉ, thông tin nhận cổ tức do cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
- 16.5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm

đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

- 16.6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
- 16.7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định pháp luật liên quan. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 17. Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản Công ty

- 17.1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 17.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty theo quy định tại Điều 17.1.c) cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.
- 17.3. Trình tự giải thể
Theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm giải thể Công ty.
- 17.4. Thủ tục thanh lý tài sản
 - a) Tối thiểu sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
 - b) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

Điều 18. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 18.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

18.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 19. Ngày hiệu lực

- 19.1. Bản điều lệ sửa đổi này gồm 19 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai nhất trí thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này và thay thế các Bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước đây.
- 19.2. Điều lệ sửa đổi này được lập thành 05 (năm) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó mỗi thành viên Hội đồng quản trị giữ 01(một) bản, 01 (một) bản lưu tại trụ sở Công ty.
- 19.3. Điều lệ sửa đổi này là duy nhất và chính thức của Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông: Đỗ Văn Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

Ông: Trần Hồng Tuy